



Flashcardo.com

Vi håper at disse utskrivbare flashkortene vil være nyttige for deg. For å finne enda flere flashkortprodukter, gå til vår nettside www.flashcardo.com/nb. På Flashcardo.com tilbyr vi nettbaserte flashkort, flashkort med repetisjon over tid, videoflashkort og mye mer. Alt er gratis og klart til bruk for elever over hele verden.

Opphavsrett, lisensnotater

Denne PDF-en er beskyttet av opphavsrett, og alle rettigheter er forbeholdt. Du står fritt til å dele denne PDF-en med hvem som helst. Du har imidlertid ikke lov til å selge denne PDF-en eller innholdet i den. Hvis du har spørsmål, gå til www.flashcardo.com/nb for å komme i kontakt med oss. Tusen takk!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF-EN LEVERES "SOM DEN ER", UTEN NOEN FORM FOR GARANTI, VERKEN UTTRYKT ELLER UNDERFORSTÅTT, INKLUDERT, MEN IKKE BEGRENSET TIL, GARANTIER OM SALGBARHET, EGNETHET FOR ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRENKELSE. UNDER INGEN OMSTENDIGHETER SKAL FORFATTERNE ELLER RETTIGHETSHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOEN KRAV, SKADER ELLER ANNEN ANSVARLIGHET, ENTEN I EN RETTSSAK, ERSTATNINGSKRAV ELLER PÅ ANNEN MÅTE, SOM OPPSTÅR FRA, UT AV ELLER I FORBINDELSE MED PDF-EN ELLER BRUKEN ELLER ANDRE FORHOLD KNYTTET TIL PDF-EN.

Opphavsrett © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheter forbeholdt

Grunnleggende

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

jeg

du

han

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

hun

det

vi

các bạn

họ

cái gì

dere

de

hva

ai

ở đâu

tại sao

hvem

hvor

hvorfor

làm sao

hvordan

cái nào

hvilken

lúc nào

når

sau đó

så

nếu

hvis

thật sự

virkelig

nhưng

men

bởi vì

fordi

không

ikke

này

dette

đó
vật

det

tất cả

alle

hoặc

và

đây

eller

og

her

đó
địa điểm

trái

phải

der

venstre

høyre

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

nå

ettermiddag

formiddag

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

natt

morgen

kveld

buổi trưa

nửa đêm

gìờ

middag

midnatt

time

phút

giây

ngày

minutt

sekund

dag

tuần

tháng

năm

uke

måned

år

hôm qua

hôm nay

ngày mai

i går

i dag

i morgen

thứ hai
ngày

mandag

thứ ba
ngày

tirsdag

thứ tư
ngày

onsdag

thứ năm

torsdag

thứ sáu

fredag

thứ bảy

lørdag

chủ nhật

søndag

đàn bà

kvinne

đàn ông

mann

tình yêu

kjærlighet

bạn trai

kjæreste

bạn gái

kjæreste

bạn
danh từ

venn

hôn
danh từ

kyss

tình dục

sex

trẻ em

barn

con gái
đại cương

jente

con trai
đại cương

gutt

mẹ

mamma

ba

pappa

má
mẹ

mor

cha

far

cha mẹ

foreldre

con trai
gia đình

sønn

con gái
gia đình

datter

em gái

lillesøster

em trai

lillebror

chị gái

storesøster

anh trai

storebror

chồng

ektemann

vợ

kone

mỗi / mọi

hver

luôn luôn

alltid

thực ra

faktisk

lần nữa

igjen

đã

allerede

ít hơn

mindre

phần lớn

flest

nhiều hơn

mer

không có

ingen

rất

veldig

ở ngoài

på utsiden

ở trong

på innsiden

xa

fjern

gần

nær

bên dưới

under

bên trên

over

bên cạnh

ved siden av

phía trước

foran

phía sau

bak

mọi người

alle

cùng nhau

sammen

khác

andre

mùa xuân

vår

mùa hè

sommer

mùa thu

høst

mùa đông

vinter

tháng một

januar

tháng hai

februar

tháng ba

mars

tháng tư

april

tháng năm

mai

tháng sáu

juni

tháng bảy

juli

tháng tám

august

tháng chín

september

tháng mười

oktober

tháng mười một

november

tháng mười hai

desember

bắc

nord

đông

øst

nam

sør

tây

thường xuyên

ngay lập tức

vest

ofte

umiddelbart

đột ngột

mặc dù

plutselig

selv om

Tall

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

hai mươi mốt

21

hai mươi hai

22

hai mươi sáu

26

ba mươi

30

ba mươi mốt

31

ba mươi ba

33

ba mươi bảy

37

bốn mươi

40

bốn mươi mốt

41

bốn mươi bốn

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

một nghìn

1000

một nghìn không trăm linh
một

1001

một nghìn không trăm mười
hai

1012

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

1234

hai nghìn

2000

hai nghìn không trăm linh hai

2002

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2023

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

2345

ba nghìn

3000

ba nghìn không trăm linh ba

3003

bốn nghìn

4000

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

4045

năm nghìn

5000

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

5678

sáu nghìn

6000

bảy nghìn

7000

bảy nghìn tám trăm chín
mười

7890

tám nghìn

8000

tám nghìn chín trăm linh một

8901

chín nghìn

9000

chín nghìn không trăm chín
mười

9090

mười nghìn

10.000

mười nghìn không trăm linh
một

10.001

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

20.020

ba mươi nghìn ba trăm

30.300

bốn mươi bốn nghìn

44.000

một trăm nghìn

100.000

năm trăm nghìn

500.000

một triệu

1.000.000

sáu triệu

6.000.000

mười triệu

10.000.000

bảy mươi triệu

70.000.000

một trăm triệu

100.000.000

tám trăm triệu

800.000.000

một tỷ

1.000.000.000

chín tỷ

9.000.000.000

mười tỷ

10.000.000.000

hai mươi tỷ

20.000.000.000

một trăm tỷ

100.000.000.000

ba trăm tỷ

300.000.000.000

một nghìn tỷ

1.000.000.000.000

Verb

biết

å vite

nghĩ

å tenke

đến

å komme

đặt

å legge

lấy

å ta

tìm

å finne

nghe

å høre

làm việc

å jobbe

nói chuyện

å snakke

cho

å gi

thích

å like

giúp đỡ

å hjelpe

yêu

å elske

gọi

å ringe

chờ đợi

å vente

đứng

å stå

ngồi

å sitte

đóng

å lukke

mở
cửa

å åpne

thua

å tape

thắng

å vinne

chết

å dø

sống
động từ

å leve

bật

å slå på

tắt

å slå av

giết

å drepe

làm bị thương

å skade

chạm

å røre

xem

å se på

uống

å drikke

ăn

å spise

đi bộ

å gå

gặp

å møte

đặt cược

å vedde

hôn
động từ

å kysse

đi theo

å følge

cưới

å gifte

trả lời

å svare

hỏi

å spørre

kéo

å trekke

đẩy

å dytte

ấn

å trykke

đánh

å slå

bắt

å fange

chiến đấu

å slåss

ném

å kaste

chạy
động từ

å løpe

đọc

å lese

viết

sửa chữa

đếm

å skrive

å fikse

å telle

cắt

bán

mua

å kutte

å selge

å kjøpe

trả

học

mơ

å betale

å studere

å drømme

ngủ

chơi

ăn mừng

å sove

å spille

å feire

thưởng thức

å nyte

dọn dẹp

å vaske

bắn

å skyte

bảo vệ

å forsvare

tấn công

å angripe

trộm

å stjele

đốt

å brenne

cứu

å redde

bay

å fly

khạc nhổ

å spytte

đá
động từ

å sparke

cắn

å bite

thở

å puste

ngủ

å lukte

khóc

å gråte

hát

å synge

cười mỉm

å smile

cười

å le

lớn lên

å vokse

co lại

å krympe

tranh luận

å krangle

chia sẻ

å dele

cho ăn

å mate

trốn

å gjemme

cảnh báo

bơi

nhảy

å advare

å svømme

å hoppe

nâng

đào

giao hàng

å løfte

å grave

å levere

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

å lete etter

å øve

å reise

vẽ

mở
khóa

khóa

å male

å åpne

å låse

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

å vaske

å be

å lage mat

nôn

la hét

trích dẫn

å spy

å rope

å sitere

in

tính toán

kiếm tiền

å printe

å beregne

å tjene

Adjektiver

mới

cũ

ít

ny

gammel

få

nhiều

sai

chính xác

mange

feil

riktig

xấu

tốt

hạnh phúc

dårlig

flink

lykkelig

ngắn

dài

nhỏ

kort

lang

liten

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

stor

vakker

ung

già

màu trắng

màu đen

gammel

hvit

svart

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

rød

blå

grønn

màu vàng

chậm

nhanh

gul

langsom

rask

vui vẻ

không công bằng

công bằng

morsom

urettferdig

rettferdig

khó

dễ

giàu

vanskelig

lett

rik

nghèo

khỏe

yếu

fattig

sterk

svak

an toàn

mệt mỏi

tự hào

trygg

sliten

stolt

no bụng

mett

bệnh

syk

khỏe mạnh

sun

tức giận

sint

thấp
đại cương

lav

cao
đại cương

høy

ngọt

søt

chua

sur

mềm

myk

cứng

hard

đáng yêu

søt

ngu ngốc

dum

điên khùng

gal

bận rộn

opptatt

cao
người

høy

thấp
người

liten

lo lắng

bekymret

ngạc nhiên

overrasket

cư xử tốt

veloppdragen

ác độc

ond

khéo léo

smart

lạnh

kald

nóng

varm

màu cam

oransje

màu xám

màu nâu

màu hồng

grå

brun

rosa

nhàm chán

nặng

nhẹ

kjedelig

tung

lett

cô đơn

đói bụng

khát nước

ensom

sulten

tørst

buồn

dốc

bằng phẳng

trist

bratt

flat

hẹp

smal

rộng

bred

sâu

dyp

nông

grunn

lớn
rất

enorm

bản

skitten

sạch sẽ

ren

đầy

full

trống rỗng

tom

đắt

dyr

rẻ

billig

quyến rũ

sexy

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

lat

modig

sjenerøs

ướt

khô

ồn ào

vắt

tørr

høyt

yên tĩnh

năng

nhiều mưa

rolig

solfyllt

regnfull

sương mù
tính từ

nhiều mây

tåkete

overskyet

Sport

thể dục dụng cụ

turn

quần vợt

tennis

chạy
danh từ

løping

đạp xe

sykling

đánh golf

golf

bóng đá

fotball

bóng rổ

basketball

bơi lội

svømming

lặn

dykking

đi bộ đường dài

fottur

chạy marathon

maraton

ba môn phối hợp

triatlon

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

bordtennis

vektløfting

boksing

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

badminton

kunstløp

snowboarding

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

skiidrett

langrenn

ishockey

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

volleyball

håndball

sandvolleyball

bóng rugby

rugby

bóng gậy

cricket

bóng chày

baseball

bóng bầu dục Mỹ

Amerikansk fotball

bóng nước

vannpolo

nhảy cầu

stuping

lướt sóng

surfing

đua thuyền buồm

seiling

chèo thuyền

roing

yoga

yoga

khiêu vũ

dans

nhảy dù

fallskjermhopping

cờ vua

đánh bài poker

bowling

sjakk

poker

bowling

múa ba lê

ballett

Dyr

con lợn

gris

con bò

ku

con ngựa

hest

con chó

hund

con cừu

sau

con khỉ

ape

con mèo

katt

con gấu

bjørn

con gà

kylling

con vịt

and

con bướm

sommerfugl

con ong

bie

con cá

fisk

con nhện

edderkopp

con rắn

slange

con hổ

tiger

con chuột

mus

con thỏ

kanin

con sư tử

løve

con lừa

esel

con voi

elefant

con chim bồ câu

due

con bọ

bille

con muỗi

mygg

con ruồi

flue

con kiến

maur

con cá voi

hval

con cá mập

hai

con cá heo

delfin

con ốc sên

snegle

con ếch

frosk

con gấu trúc

panda

con gấu Bắc cực

isbjørn

con chó sói

ulv

con gấu túi

koala

con chuột túi

kenguru

con hươu cao cổ

sjiraff

con cáo

rev

con hà mã

flodhest

con dơi

flaggermus

con quạ

ravn

con thiên nga

svane

con chim hải âu

måke

con cú

ugle

con chim cánh cụt

pingvin

con vẹt

papegøye

con sâu bướm

larve

con chuồn chuồn

øyenstikker

con mực ống

akkar

con bạch tuộc

blekksprut

con cá ngựa

sjøhest

con hải cẩu

sel

con sứa

manet

con cua

krabbe

con khủng long

dinosaur

con rùa cạn

skilpadde

con cá sấu

krokodille

Land

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asia

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Storbritannia

Tây Ban Nha

Spania

Thụy sĩ

Sveits

Ý

Italia

Pháp

Frankrike

Đức

Tyskland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Russland

Japan

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

India

Kina

USA

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brasil

Argentina

Sør-Afrika

Nigeria

Nigeria

Ma Rốc

Marokko

Libya

Libya

Kenya

Kenya

Algeria

Algerie

Ai Cập

Egypt

New Zealand

New Zealand

Úc

Australia

Kropp

đầu

hode

mũi

nese

tóc

hår

miệng

mun

tai

øre

mắt

øye

bàn tay

hånd

bàn chân

fot

tim

hjerter

não

hjerne

cổ

hals

mông

rumpe

vai

skulder

đầu gối

kne

chân

bein

tay

arm

bụng

mage

ngực

barm

lưng

rygg

răng

tann

lưỡi

tunge

môi

leppe

ngón tay

finger

ngón chân

tå

dạ dày

magesekk

phổi

lunge

gan

lever

dây thần kinh

nerve

thận

nyre

ruột

tarm

trán

panne

cằm

hake

má
cơ thể

kinn

râu

skjegg

ngón cái

tommel

ngón tay út

lillefinger

ngón tay đeo nhẫn

ringfinger

ngón tay giữa

langfinger

ngón tay trỏ

pekefinger

móng tay

fingernegl

gót chân

hæl

xương sống

ryggrad

cơ bắp

muskel

xương
cơ thể

bein

bộ xương

skjelett

xương sườn

ribbein

đốt sống

virvler

bàng quang

blære

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

blodårre

arterie

vagina

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

sperm

penis

testikkel

Hus

cửa

dør

nhà bếp

kjøkken

phòng tắm

bad

phòng khách

stue

phòng ngủ

soverom

vườn

hage

gara

garasje

tường

vegg

tầng hầm

kjeller

nhà vệ sinh
nhà ở

toalett

cầu thang

trapp

mái nhà

tak

cửa sổ
tòa nhà

vindu

dao

kniv

tách

kopp

ly

glass

đĩa

tallerken

cốc

beger

thùng rác

søppelbøtte

tô

bolle

bàn
văn phòng

pult

giường

seng

gương

speil

vòi hoa sen

duşj

ghế xô pha

sofa

ảnh

bilde

đồng hồ

klokke

bàn
nhà

bord

ghế
nhà

stol

hàng xóm

nabo

thang máy

heis

ban công

balkong

gác xép

loft

ống khói

skorstein

muỗng gỗ

sleiv

đũa

spisepinne

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

bestikk

skje

gaffel

cái vá

nồi

chảo

øse

gryte

panne

bóng đèn

giá sách

rèm

lyspære

bokhylle

gardin

nệm

gối

chăn

madrass

pute

teppe

kệ

hylle

ngăn kéo

skuff

tủ quần áo

garderobe

xô

bøtte

chổi

kost

cái cân

vekt

giỏ đựng đồ giặt

skittentøyskurv

bồn tắm

badekar

khăn tắm
to lớn

badehåndkle

xà phòng

såpe

giấy vệ sinh

toalettpapir

khăn tắm
nhỏ bé

håndkle

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

vask

stige

postkasse

hàng rào

gjerde

Mat

trúng

egg

phô mai

ost

sữa

melk

cá

fisk

thịt

kjøtt

xương
món ăn

bein

dầu

olje

bánh mì

brød

đường
món ăn

sukker

sô cô la

sjokolade

kẹo

godteri

bánh bông lan

kake

nước

cà phê

trà

vann

kaffe

te

bia

rượu nho

sa lát

øl

vin

salat

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

suppe

dessert

frokost

bữa trưa

bữa tối

pizza

lunsj

middag

pizza

kem

bơ

sữa chua

iskrem

smør

yoghurt

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

tunfisk

laks

skinke

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

bacon

pølse

kalkun

thịt gà

thịt bò

thịt heo

kylling

storfe

svin

thịt cừu

bí ngô

nấm

lam

gresskar

sopp

nấm cục

tỏi

tỏi tây

trøffel

hvitløk

purre

gừng

cà tím

khoai lang

ingefær

aubergine

søtpotet

cà rốt

dưa chuột

ớt

gulrot

agurk

chili

ớt chuông

paprika

củ hành

løk

khoai tây

potet

bông cải trắng

blomkål

bắp cải

kål

bông cải xanh

brokkoli

xà lách

salat

rau chân vịt

spinat

tre

bambus

ngô

mais

cần tây

selleri

đậu Hà Lan

ert

hạt đậu

bønne

quả lê

pære

quả táo

eple

quả ô liu

oliven

quả sung

fiken

quả chà là

daddel

quả dừa

kokosnøtt

quả hạnh nhân

mandel

hạt phỉ

hasselnøtt

đậu phộng

peanøtt

quả chuối

banan

quả xoài

mango

quả kiwi

kiwi

quả bơ

avokado

quả dứa

ananas

dưa hấu

vannmelon

quả nho

drue

dưa gang

honingmelon

quả mâm xôi

bringebær

quả việt quất

blåbær

quả dâu tây

jordbær

quả anh đào

kirsebær

quả mận

plomme

quả mơ

aprikos

quả đào

fersken

quả chanh

sitron

quả bưởi

grapefrukt

quả cam

appelsin

cà chua

tomat

bạc hà

mynte

sả

sitrongress

quế

kanel

vani

vanilje

muối

salt

tiêu

pepper

cà ri

karri

thuốc lá
thực vật

tobakk

đậu hũ

tofu

giấm

eddik

mì sợi

nudel

sữa đậu nành

soyamelk

bột mì

mel

gạo

ris

yến mạch

havre

lúa mì

hvete

đậu nành

soya

hạt

nøtt

mật ong

honning

mút

kẹo cao su

bánh kẹp

syltetøy

tyggegummi

pannekake

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

kjeks

pudding

muffins

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

smultring

energidrikk

appelsinjuice

nước táo

sữa lắc

coca cola

eplejuice

milkshake

cola

sô cô la nóng

kakao

rượu cocktail

cocktail

rượu rum

rom

rượu whisky

whisky

rượu vodka

vodka

thực đơn

meny

hải sản

sjømat

mì Ý

spagetti

sushi

sushi

bắp rang bơ

popkorn

khoai tây lát mỏng

potetgull

cánh gà

kyllingvinger

khoai tây chiên

pommes frites

mù tạt

sennep

sốt mayonnaise

majones

nước sốt cà chua

tomatsaus

bánh mì kẹp

sandwich

bánh mì kẹp xúc xích

pølse i brød

bánh burger

burger

Skole

sách

bok

thư viện

bibliotek

bài tập về nhà

hjemmelekser

bài thi

eksamen

bài học

time

khoa học

naturfag

lịch sử

historie

nghệ thuật

kunst

cây bút

penn

bút chì

blyant

thứ nhất

første

thứ hai

2

andre

thứ ba
3

tredje

thứ tư
4

fjerde

ngiên cứu

forskning

bằng cấp

akademisk grad

sân thể thao

idrettsplass

từ điển

ordbok

học kì

semester

sổ tay

notisbok

hình học

geometri

chính trị học

politikk

triết học

filosofi

kinh tế học

økonomi

giáo dục thể chất

kroppsøving

sinh học

biologi

toán học

matematikk

địa lý

geografi

văn học

litteratur

hóa học

kjemi

vật lý

fysikk

cải thước

linjal

cục tẩy

viskelær

cái kéo

saks

băng dính

teip

keo dán

lim

bút bi

kulepenn

kẹp giấy

binders

ba phần trăm

3%

một trăm phần trăm

100%

không phần trăm

0%

mét khối

kubikkmeter

mét vuông

kvadratmeter

dặm

mil

mét

meter

mi-li-mét

millimeter

xen-ti-mét

centimeter

đề-xi-mét

desimeter

phép cộng

addisjon

phép trừ

subtraksjon

phép nhân

multiplikasjon

phép chia

divisjon

diện tích

areal

thể tích

volum

hình chữ nhật

rektangel

hình vuông

kvadrat

tam giác

trekant

hình tròn

sirkel

lít

liter

mililít

milliliter

tấn

kilôgam

gram

tonn

kilo

gram

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

magnet

mikroskop

trakt

phòng thí nghiệm

bài giảng

laboratorium

foredrag

Natur

tro

aske

lửa

ild

kim cương

diamant

mặt trăng

måne

mặt trời

sol

ngôi sao

stjerne

hành tinh

planet

bờ biển
biển

kyst

hồ

innsjø

rừng

skog

sa mạc

ørken

đồi núi

bakke

đá
danh từ

stein

con sông

elv

thung lũng

dal

núi

fjell

đảo

øy

đại dương

hav

biển

sjø

băng

is

tuyết

snø

bão táp

storm

mưa

regn

gió

vind

cây

cỏ

hoa hồng

tre

gress

rose

hoa

kim loại

đất

blomst

metall

jord

dung nham

than

cát

lava

kull

sand

đất sét

tên lửa

vệ tinh

leire

rakett

satellitt

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

galakse

asteroide

kontinent

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

ekvator

sydpol

nordpol

suối

rừng nhiệt đới

hang

bekk

regnskog

hule

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

foss

bredd

isbre

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

jordskjelv

krater

vulkan

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

atmosfære

oversvømmelse

tåke

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

regnbue

torden

lyn

cơn dông

nhệt độ

bão nhiệt đới

tordenvær

temperatur

tyfon

bão

orkan

mây

sky

cành cây

grein

lá cây

blad

rễ cây

rot

thân cây

stamme

hạt giống

frø

nhựa

plast

cacbon đioxit

karbondioksid

nguyên tử

atom

sắt

jern

ôxy

oksygen

vàng

bạc

gull

sølv

Transport

xe hơi

bil

xe buýt

buss

xe lửa

tog

ga xe lửa

togstasjon

trạm dừng xe buýt

busstopp

máy bay

fly

tàu

skip

xe tải

lastebil

xe đạp

sykkel

xe mô tô

motorsykkel

xe taxi

drosje

đèn giao thông

trafikklys

bãi đậu xe

parkeringsplass

đường
xe hơi

vei

ắc quy

batteri

động cơ
xe hơi

motor

túi khí

airbag

vô-lăng

ratt

dây an toàn

setebelte

lốp xe

dekk

cốp sau

bagasjerom

máy bán vé

billettautomat

phòng bán vé

billettkontor

tàu điện ngầm

T-bane

tàu cao tốc

høyhastighetstog

đầu máy

lokomotiv

xe điện

trikk

xe buýt trường học

skolebuss

xe buýt nhỏ

minibuss

sân bay

flyplass

hãng hàng không

flyselskap

máy bay trực thăng

helikopter

hạng nhất

førsteklasse

hạng phổ thông

økonomiklasse

hạng thương gia

businessklasse

áo phao

redningsvest

công ten nơ

container

tàu ngầm

ubåt

tàu du lịch

cruiseskip

tàu chở hàng

containerskip

du thuyền

yacht

phà

ferje

hải cảng

havn

xuồng cứu sinh

livbåt

ra đa

radar

đèn đường

gatelykt

vĩa hề

fortau

trạm xăng

bensinstasjon

công trường

byggeplass

vạch qua đường

fotgjengerfelt

tắc đường

trafikkork

đường cao tốc

motorvei

xe tăng

stridsvogn

máy xúc

gravemaskin

máy kéo

traktor

rơ-moóc

tilhenger

xe tay ga

scooter

xe cáp treo

taubane

By

bệnh viện

sykehus

trường học

skole

nhà ở

hus

hóa đơn

regning

chợ

marked

siêu thị

supermarked

căn hộ

leilighet

trường đại học

universitet

nông trại

gård

nhà thờ

kirke

nhà hàng

restaurant

quán bar

bar

phòng thể dục

gym

công viên

park

nhà vệ sinh
đại cương

toalett

bản đồ

kart

xe cứu thương

ambulanse

cảnh sát
đại cương

politi

lính cứu hỏa
đại cương

brannvesen

quốc gia

land

ngoại ô

forstad

ngôi làng

landsby

bảo hành

garanti

trung tâm mua sắm

kjøpesenter

tiệm thuốc

apotek

tòa nhà chọc trời

skyskraper

lâu đài

slott

đại sứ quán

ambassade

giáo đường Do Thái

synagoge

ngôi đền

tempel

nhà máy

fabrikk

nhà thờ Hồi giáo

moské

tòa thị chính

rådhus

bưu điện

postkontor

đài phun nước

fontene

câu lạc bộ đêm

nattklubb

băng ghế

benk

sân golf

golfbane

sân bóng đá

fotballstadion

hồ bơi
tòa nhà

svømmebasseng

sân quần vợt

tennisbane

thông tin du lịch

turistinformasjon

sòng bạc

kasino

phòng triển lãm nghệ thuật

kunstgalleri

bảo tàng

museum

công viên quốc gia

nasjonalpark

quà lưu niệm

suvenir

thủy cung

akvarium

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vannsklie

berg og dalbane

vannpark

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

dyrehage

lekeplass

nødutgang

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

brannalarm

brannslukker

politistasjon

tiểu bang

khu vực

thủ đô

stat

region

hovedstad

Sykehus

tai nạn

ulykke

bệnh nhân

pasient

phẫu thuật

operasjon

viên thuốc

pille

sốt

feber

ho

hoste

phòng cấp cứu

legevakt

khoa hồi sức tích cực

intensivavdeling

phòng chờ

venterom

thuốc aspirin

aspirin

thuốc ngủ

sovepille

ngày hết hạn

utløpsdato

liều lượng

dosering

si-rô ho

hostesaft

tác dụng phụ

bivirkning

insulin

insulin

bột

pulver

viên nhộng

kapsel

vitamin

vitamin

thuốc giảm đau

smertestillende middel

kháng sinh

antibiotika

vi khuẩn

bakterie

vi rút

virus

đau tim

hjerteinfarkt

tiêu chảy

diaré

tiểu đường

diabetes

đột quỵ

hjerneslag

hen suyễn

astma

ung thư

kreft

cúm

influenza

đau răng

tannverk

cháy nắng

solbrenthet

viêm họng

sår hals

đau bụng

mageknip

nhiễm trùng

infeksjon

dị ứng

allergi

chuột rút

krampe

đau đầu

hodepine

ống tiêm

sprøyte

nặng

krykke

chụp X quang

røntgenbilde

máy siêu âm

ultralysmaskin

bó bột
nhỏ bé

plaster

xe lăn

rullestol

bó bột
gãy xương

gips

mạch

puls

chấn thương

skade

cấp cứu

nødsituasjon

chấn động

hjernerystelse

vết bỏng

brannså

gãy xương

brudd

thuốc tránh thai

P-pille

thử thai

graviditetstest

Jobber

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

doktor

sykepleier

politimann

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

president

kaptein

detektiv

phi công

giáo sư

giáo viên

pilot

professor

lærer

luật sư

thư ký

trợ lý

advokat

sekretær

assistent

thẩm phán

dommer

quản lý

sjef

đầu bếp

kokk

tài xế taxi

drosjesjåfør

tài xế xe buýt

bussjåfør

người mẫu

modell

nghệ sĩ

artist

thủ tướng

statsminister

dược sĩ

farmasøyt

lính cứu hỏa
người

brannmann

nha sĩ

tannlege

doanh nhân

entreprenør

chính trị gia

politiker

lập trình viên

programmerer

tiếp viên hàng không

flyvertinne

nhà khoa học

forsker

giáo viên mầm non

barnehagelærer

kiến trúc sư

arkitekt

kế toán viên

regnskapsfører

tư vấn viên

konsulent

công tố viên

aktor

tổng quản lý

daglig leder

vệ sĩ

livvakt

chủ nhà

huseier

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

kelner

sikkerhetsvakt

soldat

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

fisker

rengjører

rørlegger

thợ điện

nông dân

lễ tân

elektriker

bonde

resepsjonist

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

postbud

kasserer

frisør

tác giả

forfatter

nhà báo

journalist

nhiếp ảnh gia

fotograf

nhân viên cứu hộ

badevakt

ca sĩ

sanger

nhạc sĩ

musiker

diễn viên

skuespiller

phóng viên

reporter

huấn luyện viên

trener

trọng tài

dommer

Forretninger

tiền

penger

văn phòng

kontor

áp lực

stress

bảo hiểm

forsikring

nhân viên
công ty

personale

bộ phận

avdeling

lương

lønn

địa chỉ

adresse

lá thư

brev

số điện thoại

telefonnummer

url

url

địa chỉ email

e-postadresse

trang mạng

nettside

thư điện tử

e-post

chữ ký

signatur

thua lỗ

tap

lợi nhuận

fortjeneste

khách hàng

kunde

số tiền

beløp

thẻ tín dụng

kredittkort

mật khẩu

passord

máy rút tiền

minibank

thuế

avgift

phòng họp

møterom

danh thiếp

visittkort

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

personalavdeling

bộ phận pháp lý

juridisk avdeling

kế toán

regnskap

tiếp thị

markedsføring

bán hàng

salg

đồng nghiệp

kollega

người sử dụng lao động

arbeidsgiver

nhân viên
người

ansatt

chú thích

notat

thuyết trình

presentasjon

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

perm

stempel

projektor

bưu kiện

con tem

phong bì

pakke

frimerke

konvolutt

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

nettleaser

investering

børs

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

seddel

mynt

rente

khoản vay

lần

số tài khoản

kontonummer

tài khoản ngân hàng

bankkonto

Apparater

điện thoại

telefon

bộ tivi

fjernsynsapparat

máy ảnh

kamera

đài radio

radio

quạt

vifte

máy điều hòa

klimaanlegg

máy pha cà phê

kaffetrakter

máy nướng bánh mì

brødrister

máy hút bụi

støvsuger

máy sấy tóc

hårføner

ấm đun nước

vannkoker

máy rửa chén

oppvaskmaskin

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

komfyr

ovn

mikrobølgeovn

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

kjøleskap

vaskemaskin

fjernkontroll

tai nghe

chuột

bàn phím

øretelefon

mus

tastatur

ổ cứng

thanh USB

máy quét

harddisk

minnepenn

skanner

máy in

printer

màn hình

skjerm

máy tính xách tay

laptop

rô bốt

robot

loa

høytaler

